

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2019.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Sỹ Định.

2. Ông Lê Đức Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn X, xã L huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lâm Ngọc Q, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 15/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:** Chị N và anh Lâm Ngọc Q quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 18/3/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến tháng 6/2017 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị N là do anh Q thay đổi tính nết, hay rượu chè, lười lao động, chị N và gia đình cha mẹ anh Q có góp ý, khuyên bảo nhưng anh Q vẫn không thay đổi; ngược lại anh Q còn có hành vi đánh đập chị N.

Nay chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Lâm Ngọc Q nên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị N trình bày vợ chồng có một người con chung là Lâm Ngọc V, sinh ngày 20/12/2015. Trong đơn khởi kiện, chị N yêu cầu giao cháu V cho anh Lâm Ngọc Q chăm sóc, nuôi dưỡng và chị N cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con chung Lâm Ngọc V đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N có thay đổi yêu cầu nuôi con, chị N yêu cầu giao con chung cho chị chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Lâm Ngọc Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Trần Thị N đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn ghi họ và tên vợ Trần Thị N, họ và tên chồng Lâm Ngọc Q; bản sao giấy chứng minh nhân dân Trần Thị N; 02 bản sao sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Nguyễn Thị Th và Lâm Ngọc S; bản sao giấy khai sinh Lâm Ngọc V.

**** Đối với bị đơn anh Lâm Ngọc Q:***

Tòa án nhân dân huyện P đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Lâm Ngọc Q. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh Lâm Ngọc Q, nhưng anh Q đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành lập biên bản xác minh tại nhà anh Lâm Ngọc Q thông qua bà Ngô Thị Ch (là mẹ đẻ của anh Q) thể hiện: Các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì gia đình đã nhận và thông báo trực tiếp cho anh Q. Do bận công việc nên anh Q không đến Tòa án được. Về quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị N thì bà Ngô Thị Ch cho biết việc kết hôn giữa anh Q với chị N là tự nguyện. Quá trình chung sống cũng có phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn và đã sống ly thân. Bà Ch đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của chị N theo quy định của pháp luật.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị N chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lâm Ngọc Q không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Q vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vắng

mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07/8/2019 và tại phiên tòa hôm nay (29/8/2019) làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; giải quyết:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị N được ly hôn anh Lâm Ngọc Q.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lâm Ngọc V, sinh ngày 20/12/2015 cho chị Trần Thị N chăm sóc nuôi dưỡng, anh Lâm Ngọc Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Q được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn chị Trần Thị N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Lâm Ngọc Q thông qua người thân thích trong gia đình của anh Q theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Lâm Ngọc Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị N và anh Q, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa chị N và anh Q đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng nhau, anh Q không quan tâm chăm sóc, xây dựng hạnh phúc gia đình, có hành vi bạo lực gia đình với chị N; dẫn đến chị N và anh Q đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Nay chị N cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Q là không thể khắc phục được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Lâm Ngọc Q có một người con chung tên là Lâm Ngọc V, sinh ngày 20/5/2015. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lâm Ngọc Q không đến Tòa án để hòa giải cũng như giải quyết vấn đề nuôi con chung, nên để đảm bảo cho người con chung được phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần thì cần giao cháu V cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử đã giải thích theo quy định của pháp luật nhưng chị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Trần Thị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N. Chị Trần Thị N được ly hôn anh Lâm Ngọc Q.

2. Về việc nuôi con: Giao người con chung là Lâm Ngọc V, sinh ngày 20/12/2015 cho chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh Lâm Ngọc Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lâm Ngọc Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Trần Thị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/006544, ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lâm Ngọc Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
 - VKSND tỉnh TT-Huế;
 - VKSND huyện P;
 - Chi cục THADS huyện P;
 - Đương sự;
 - UBND xã L,
- huyện P, tỉnh TT-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú